

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+TD3+SAVR	7:25	17+5+0	0+0+0		14+1+7	0+0+0	
2		P6+TD1+P2	7:25	0+9+10	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 1 P6-TD1
3		CLO+P9+RC3	7:25	5+17+0	0+0+0		3+9+10	0+0+0	
4		P10+BK15+P4	9:25	22+0+0	0+0+0		12+2+8	0+0+0	
5		BK8+BK9+P10	9:25	8+0+12	0+0+0		0+0+18	0+0+0	chuyen 3 bk8-bk9
6		TD3+TD5	9:25	19+1	0+0		15+4	0+0	
7		MRM+CLO+BK10	11:25	7+8+5	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
8		P2+P11+P9	11:25	11+7+4	0+0+0		4+6+12	0+0+0	chuyen 2 P11-p9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ Đi vé trong ngày Clo (BK3)-4ng, Bk15-2ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/06/2025	TO: P10 - BK15 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

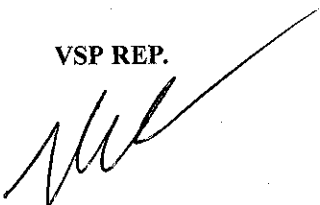
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	52	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THANG	P10	30	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN HUONG	P10	40	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC KHANH	P10	34	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LANG	P10	48-49	2	20	2	20	67	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY HA	P10	42	1	10			79	KHAITHAC	Vietnamese
7	BUI SY LONG	P10	50	1	11			84	KHAITHAC	Vietnamese
8	LE TRI HAO	P10						68	KHAITHAC	Vietnamese
9	TRAN THANH HAI	P10	35	1	12	1	9	74	KHAITHAC	Vietnamese
10	BUI NGOC NAM	P10	53-54	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH NAM	P10	37-38	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN CHUONG	P10	32	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
13	VU ĐANG HOANG	P10	33	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG SY NGUYEN	P10	51	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THANH DUNG	P10	46	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH LIEM	P10	39	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUNG ĐAI DUONG	P10	45	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC PHI	P10	43	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VU KIEN	P10	47	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM TIEN PHUONG	P10	41	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
21	VU PHUONG HUONG	P10	31	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỒ LỆNH ĐẠO	P10	44	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

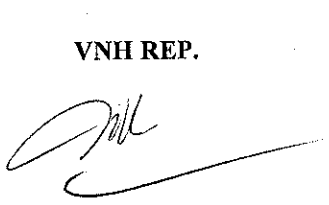
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	22	1.622	24	179	3	29	12		
2	BK15	0	0	0	0	1	12	2		
3	P4	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.622	24	179	4	41	22		
WEIGHT KG			1.622		179		41			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

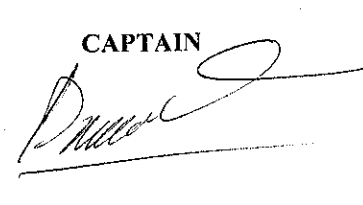
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: P11 - TD3 - SAVR	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN TUONG	P11	53-54	2	14			75	PVD BH	Vietnamese
2	LE TUAN VU	P11	44	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
3	VU BA NEP	P11	43	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH CHANH PHAT	P11	48	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TAN	P11	42	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG ĐỨC	P11	63-64	2	10			76	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC ANH	P11	57-59	3	9			74	YTE	Vietnamese
8	TRAN XUAN HINH	P11	45	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG BĂNG	P11	55-56	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAO THIEN THUAT	P11	49	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	61-62	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG ĐỨC	P11	47	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CÔNG HUY	P11	52	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LIEM	P11	51	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE SINH TAM	P11	46	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MINH HIEN	P11	50	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUY	P11	60	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU VAN ĐIỆP	TD3	71	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VO MANH CUONG	TD3	72	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VIET HUNG	TD3	73-74	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
21	TRINH NGOC THAO	TD3	75-76	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
22	LA THANH	TD3	64-65	2	7	4	26	84	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	17	1.237	23	147	0	0	14		
2	TD3	5	369	8	61	4	26	1		
3	SAVR	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.606	31	208	4	26	22		
WEIGHT KG			1.606		208		26			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: P6 - TD1 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - QTRUONG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN CONG TRINH	TD1						76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH BA ĐÔNG	TD1						62	KH-THAC	Vietnamese
3	BELYAEV SERGEY	TD1	89	1	16			84	KH-THAC	Russian
4	TRINH HUU CAN	TD1	96	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN LE ĐANG QUANG	TD1	94	1	14			92	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN GIA CUONG	TD1	95	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
7	VU MINH TUNG	TD1	93	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TA TRUNG DUNG	TD1	92	1	13			93	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI DINH SANG	TD1	90-91	2	15			49	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM THANH KIM	P2	32,34	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE ANH	P2	26-27	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG QUỐC VIÊN	P2	31	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ CÔNG ANH	P2	29-30	2	18	4	65	67	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH BA HOANG NAM	P2	28	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
15	BIEN ĐANG SAM	P2	33	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHAI	P2	24	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG MINH QUAN	P2	21	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ NGUYEN MINH KHÔI	P2	22-23	2	9			79	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN ĐÔNG	P2	25	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	0	0	0	0	1	4	3+1	CHUYEN 1 PAX P6-TD1	
2	TD1	9	668	8	99	0	0	0		
3	P2	10	708	14	84	4	65	19		
TOTAL		19	1.376	22	183	5	69	22		
WEIGHT KG			1.376		183		69			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: CLO - P9 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHANG - CHIEN - VU	ETA: 09:30
VANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE QUANG BINH	CLO	3000	1	4	6	100	78	D-HANH	Vietnamese
2	LE ĐANG MINH ĐỨC	CLO						91	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO TRUNG KIẾN	CLO	02	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH TRUNG KIẾN	CLO						75	ANTOAN	Vietnamese
5	VU VAN NAM	CLO	03-04	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HOANG	P9	31,36	2	10			79	KH-THAC	Vietnamese
7	VU NAM GIANG	P9	28-30	3	14			77	KH-THAC	Vietnamese
8	LE LANG TU	P9	17	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET THANG	P9	14	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VIET	P9	34	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	18	1	10			57	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN BA KY	P9						78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN DUY	P9	20-21	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG LUAN	P9	16	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	P9	22	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	P9	33	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH THE NHAN	P9	32	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
18	MÀ ANH TIT	P9	15	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH THIÊN TUNG	P9	35	1	19			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN DAT	P9	24-25	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
21	TRINH HUY KHIEM	P9						70	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG DUC HAI	P9	23	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	5	371	4	19	6	100	3		
2	P9	17	1.204	20	129	0	0	9		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	1.575	24	148	6	100	22		
WEIGHT KG			1.575		148		100			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: BK8 - BK9 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - QTRUONG	ETA: 11:45
<i>CAM-2</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU HOANG TAN	BK8	68	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
2	VU MINH ĐỨC	BK8	70-71	2	20			96	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NAM THANG	BK8	74-75	2	18	1	18	102	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGOC LONG	BK8	65	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN THANH	BK8	72	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
6	VO TRONG NHIEN	BK8	69	1	15			59	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	BK8	66-67	2	20			77	DVL	Vietnamese
8	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	73	1	6	2	35	68	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUÂN	P10	18	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN BAO TOAN	P10	16	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH CÔNG VĂN	P10	14	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ THANH DANH	P10	15	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH TUÂN	P10	28	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN TÍNH	P10	22-23	2	15			64	ANTOAN	Vietnamese
15	LƯƠNG MẠNH GIANG	P10	24	1	8			68	ANTOAN	Vietnamese
16	BUI VAN THOẠI	P10	21	1	5			71	YTE	Vietnamese
17	LÊ MINH PHƯỚC	P10	25-27	3	22			78	XAYLAP	Vietnamese
18	LƯƠNG THE VY	P10	13	1	6			64	PSV	Vietnamese
19	PHẠM MINH TAM	P10	19-20	2	12			61	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN DUNG	P10	17	1	4			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	8	654	11	107	3	53	0+3	CHUYEN 3 PAX BK8-BK9	
2	BK9	0	0	0	0	1	13	1		
3	P10	12	827	16	107	0	0	18		
TOTAL		20	1.481	27	214	4	66	19		
WEIGHT KG			1.481		214		66			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Mai Van Phuc



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - VŨ	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOANG ĐAN	TD3	14	1	5	1	18	63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG SƠN	TD3	60	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	TD3	35	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ DANH NGỌC	TD3	25-26	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG	TD3	30-31	2	14			57	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TẤT THÀNH	TD3	61	1	10			72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HO QUANG	TD3	33	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN PHÚC	TD3	28	1	14	1	10	74	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ THẾ LONG	TD3	34	1	12	1	8	72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGO ĐỨC THUAN	TD3	18	1	12	1	16	65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN NGOC	TD3	62-63	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
12	THÂN VĂN KIẾN	TD3	19	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THANG	TD3	23-24	2	17			54	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HA	TD3	20	1	14	1	12	58	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐẠO	TD3	32	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THANH	TD3	27	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese
17	HỒ VĂN ĐỨC	TD3	15-16	2	7			68	PSV	Vietnamese
18	TRẦN KIM THANH	TD3	22	1	6			79	NIPI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGŨ	TD5	46-47	2	14	6	96	84	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	18	1.228	23	217	5	64	15		THAO 2 GHE CHO HANG
2	TD5	1	84	2	14	6	96	4		
TOTAL		19	1.312	25	231	11	160	19		
WEIGHT KG			1.312		231		160			

GRAND TOTAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: MRM - CLO - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: DUONG - M.ĐỨC - HUY	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KIỀU TUAN ANH	MRM	30-31	2	11			84	DVL	Vietnamese
2	VUONG KIEN QUOC	MRM	36	1	11			78	DVL	Vietnamese
3	PHAN VINH TRUONG	MRM	37	1	14			70	DVL	Vietnamese
4	LE PHU PHUC	MRM	33	1	7			84	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN HUU VIET	MRM	32	1	18			62	DVL	Vietnamese
6	LUU BA XO	MRM	28-29	2	14			82	DVL	Vietnamese
7	TRAN VAN HIEP	MRM	35	1	14			73	DVL	Vietnamese
8	LE CONG VINH	CLO	51	1	2	1	20	73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHUNG CONG DU	CLO	38	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGUYEN HUY HOAN	CLO	49	1	14			73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGHIEM TRINH NHAT	CLO	48	1	13			63	XAYLAP	Vietnamese
12	HO DINH LOC	CLO	50	1	4			80	PSV	Vietnamese
13	DINH CHI CONG	CLO	200	1	14			64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH PHUONG	CLO	46	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THE DUNG	CLO	01	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN PHAM TUAN ANH	CLO	47	1	9			63	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN ĐỨC	BK10	44	1	6	2	25	66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN CONG HOAN	BK10	46	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGHIEM XUAN ANH	BK10	43	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO TUAN VIET	BK10	45	1	9	2	16	68	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI CAO DINH	BK10	47	1	6			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	MRM	7	533	9	89	0	0	0		
2	CLO	9	639	9	79	1	20	11		
3	BK10	5	324	5	35	4	41	11		
TOTAL		21	1.496	23	203	5	61	22		
WEIGHT KG			1.496		203		61			

GRAND TOTAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2025	TO: P2 - P11 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: KHOÀN - SON - DÙNG	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	THAI HOANG TAM	P2	41-42	2	7			77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	55	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN CONG TRI	P2	50-51	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THIEN NAM	P2	53	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HUY HUNG	P2	52	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG BÌNH	P2	39-40	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG CÔNG ĐỨC	P2	45-46	2	16			65	KHI	Vietnamese
8	HỒ VĂN ĐẠT	P2	49	1	10			78	KHI	Vietnamese
9	CAO BA QUANG	P2	43	1	8	01	22	70	KHI	Vietnamese
10	ĐINH VĂN CUÔNG	P2	47	1	11	1	16	67	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MANH	P11	76-77	2	19			60	KH-THAC	Vietnamese
12	TANG TIEN TOAN	P11	78	1	13	1	18	82	DVL	Vietnamese
13	CÙ CHI CÔNG	P11	73-74	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN KIEU CANH	P11	70	1	7			75	PSV	Vietnamese
15	LUƠNG TRỌNG DƯƠNG	P11	72	1	8			55	PSV	Vietnamese
16	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P11	71	1	6			50	PSV	Vietnamese
17	BUI VAN LONG	P11	75	1	3			72	PSV	Vietnamese
18	HƯA SẦY	P9	20	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NAM HAI	P9	60,68	2	17	1	14	79	DVL	Vietnamese
20	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	P9	80-81	2	16			63	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	P9	28,72	2	21			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	W				PCS	W
1	P2	10	716	14	97	02	38	4		
2	P11	7	464	9	75	1	18	6+2		CHUYEN 2 PAX.P11-P9
3	P9	4	264	7	59	1	14	12		
TOTAL		21	1.444	30	231	02	70	22		
WEIGHT KG			1.444		231		70			

GRAND TOTAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN